

BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 136/2003/QĐ-BCN ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Ngày 31/12/2003 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0103003450.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, số 85/2010/NQ - ĐHĐCĐ ngày 06/04/2010 đổi tên Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ thành Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ - TKV.

Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 số ngày 30/10/2010 đổi tên Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ - TKV thành Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ.

Trong quá trình hoạt động cho đến tháng 05/2010, Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 5; Trong đó, mã số doanh nghiệp và đăng ký thuế của công ty được chuyển thành 0100101266 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24/05/2010. Tiếp theo, ngày 25/11/2010 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100101266, đăng ký thay đổi lần thứ 6.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 7 ngày 02/01/2013, mã số doanh nghiệp 0100101266, vốn điều lệ của Công ty là 18.274.700.000 VND được chia thành 182.747 cổ phần, danh sách các cổ đông sáng lập như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin	93.207
2	Ông Nguyễn Văn Tuấn	18.682
3	Bà Doãn Thị Hương	5.438
4	Các cổ đông khác	65.420

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Danh Tuyên
- Ông Phạm Văn Nhâm
- Bà Doãn Thị Hương
- Ông Phạm Đình Sỹ
- Ông Nguyễn Mạnh Thường

Chức vụ:

Chủ tịch HĐQT
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

- Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt
- Bà Đào Thị Khoái
- Bà Vũ Thị Thủy

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Ủy viên
- Ủy viên

Ban Giám đốc:

Họ và tên

- Ông Phạm Văn Nhâm
- Ông Nguyễn Duy Cảnh

Chức vụ

- Giám đốc
- Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, hoạt động chính của Công ty bao gồm: Khảo sát thăm dò địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn; Thi công các công trình khoan máy, khai đào, khảo sát, lập dự án tiền khả thi, khả thi, thi công và xây lắp các công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng, xử lý nền móng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam tại Hà Nội được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

196
NH
MA
VI
IA
UR

Số: 22/2014/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
của Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 30 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam tại Hà Nội



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2013-009-1

Nguyễn Thị Thương Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1602-2013-009-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 73 - - - Điện số: - - - SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Lại Chíng Quỳnh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 06, ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN NGẮN HẠN			
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	60.061.306.933	58.247.150.488
Tiền và tương đương tiền	110	8.255.769.621	7.383.903.807
Tiền	111	5.1	8.255.769.621
Các khoản tương đương tiền	112		
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	41.672.076.736	37.553.467.203
Phải thu khách hàng	131		38.034.586.232
Trả trước cho người bán	132		172.087.980
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	5.2	9.232.715.979
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(985.387.520)
Hàng tồn kho	140	9.715.087.789	12.750.552.683
Hàng tồn kho	141	5.3	9.715.087.789
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
Tài sản ngắn hạn khác	150	418.372.787	559.226.795
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
Thuế GTGT được khấu trừ	152		101.566
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.4	154.024.416
Tài sản ngắn hạn khác	158		264.246.805
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	4.801.102.224	7.764.125.252
Các khoản phải thu dài hạn	210		
Phải thu dài hạn khác	218		
Tài sản cố định	220	4.531.282.112	7.761.188.052
TSCĐ hữu hình	221	5.5	4.513.942.286
- Nguyên giá	222		18.134.718.092
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	223		(13.620.775.806)
TSCĐ thuê tài chính	224		
TSCĐ vô hình	227	5.6	17.339.826
- Nguyên giá	228		61.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	229		(43.660.174)
Chi phí XDCB dở dang	230		
Bất động sản đầu tư	240		
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
Tài sản dài hạn khác	260	269.820.112	2.937.200
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	269.820.112
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		
Tài sản dài hạn khác	268		
CỘNG	270	64.862.409.157	66.011.275.740

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 06, ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

NỢ PHẢI TRẢ	300		44.214.177.485	45.698.478.714
Nợ ngắn hạn	310		44.214.177.485	45.698.478.714
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	14.739.792.798	13.302.536.131
Phải trả người bán	312		16.805.595.556	14.833.276.093
Người mua trả tiền trước	313		12.600.000	103.000.000
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	2.185.271.469	3.196.688.780
Phải trả người lao động	315		7.103.417.642	9.217.192.552
Chi phí phải trả	316		33.691.564	-
Phải trả nội bộ	317		-	784.320.497
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	3.170.678.468	4.019.334.673
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		163.129.988	242.129.988
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.648.231.672	20.312.797.026
Vốn chủ sở hữu	410	5.11	20.648.231.672	20.302.797.012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.274.700.000	18.274.700.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cô phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		708.805.653	708.805.653
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.664.726.019	1.319.291.359
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	10.000.014
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	10.000.014

44 44.862.409.157 66.011.275.748

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 06, ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		8.302.200	8.302.200
Ngoại tệ các loại (USD)		-	0,55
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Mạnh Thường

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Thường

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Phạm Văn Nhâm

#/06/2014
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 06, ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	122.606.421.523	139.856.174.886
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ hàng hoá và dịch vụ	10	6.3	122.606.421.523	139.856.174.886
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	102.227.827.560	122.232.989.362
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		20.378.593.963	17.623.185.524
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	73.977.091	62.412.804
Chi phí tài chính	22	6.6	499.249.839	2.161.110.042
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.061.861.215	2.028.177.063	1.994.146.242
Chi phí bán hàng	24		2.001.687.058	2.724.462.054
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.494.940.006	7.602.657.426
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.456.694.151	5.197.368.806
Thu nhập khác	31		107.373.848	432.506.994,00
Chi phí khác	32		373.310.046	62.102.374
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(265.936.198)	370.404.620
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.190.757.953	5.567.773.426
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.055.449.893	1.051.434.452
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.135.308.060	4.516.338.974
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		17.157	24.714
LN sau thuế của cổ đông thiểu số			1.536.300.949	2.213.006.097
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ			1.599.007.111	2.303.332.877

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG





Nguyễn Mạnh Thường

Nguyễn Mạnh Thường

Phạm Văn Nhâm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 06, ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị: VND

CHI TIẾT	Mã số	Số còn phải nộp năm trước	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp năm sau
Thuế	10	3.196.688.780	10.516.222.784	11.681.664.511	2.031.247.053
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	2.727.998.084	2.997.507.515	4.286.999.257	1.438.506.342
<i>Văn phòng</i>		2.259.020.885	1.646.456.587	2.916.385.765	989.091.707
<i>Xi nghiệp dịch vụ</i>		468.977.199	1.351.050.928	1.370.613.492	449.414.635
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	5.023.726.459	5.023.726.459	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	187.251.954	187.251.954	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	435.145.558	1.055.449.893	769.048.216	721.547.235
Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế Nhà đất	17	-	6.414.000	6.414.000	-
Tiền thuê đất	18	-	665.415.211	819.439.627	(154.024.416)
Các khoản thuế khác	19	33.545.138	580.457.752	588.784.998	25.217.892
<i>Thuế môn bài</i>		-	5.000.000	5.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		33.545.138	575.395.895	583.723.141	25.217.892
<i>Các loại thuế khác</i>		-	61.857	61.857	-
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Các khoản khác	33	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	3.196.688.780	10.516.222.784	11.681.664.511	2.031.247.053



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Mạnh Thường

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Thường



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Nhâm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 06, ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	4.190.757.953	5.567.773.426
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.964.984.814	3.855.461.557
Các khoản dự phòng	03	1.032.760	61.104.173
Lãi từ hoạt động đầu tư	04	(157.466.684)	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	12.718.293	(3.853.460)
Chi phí lãi vay	06	2.028.177.065	1.994.146.242
<i>Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	10.040.204.201	11.474.631.938
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.978.788.285)	(18.885.561.565)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.035.464.894	892.357.593
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.162.592.879)	13.741.185.615
Tăng chi phí trả trước	12	(266.882.912)	210.990.025
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.028.177.065)	1.994.146.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(769.048.216)	(781.281.191)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	121.399.978	207.252.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(130.035.028)	(5.973.905.676)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	2.861.544.688	2.879.814.981
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.049.400.000)	(2.961.426.604)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	106.335.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.131.684	58.559.344
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(891.933.316)	(2.902.867.260)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.785.307.304	21.329.662.023
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.348.050.637)	(16.482.125.892)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.535.002.425)	(1.611.720.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(1.097.745.758)	3.235.816.131
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	871.865.614	3.212.763.852
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.383.903.807	4.171.139.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	200	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.255.769.621	7.383.903.807

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Mạnh Thường

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Thường



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Nhâm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 136/2003/QĐ-BCN ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Ngày 31/12/2003 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0103003450.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 85/2010/NQ - ĐHĐCĐ ngày 06/04/2010 đổi tên Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ thành Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ - TKV.

Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 số ngày 30/10/2010 đổi tên Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ - TKV thành Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ.

Trong quá trình hoạt động cho đến tháng 05/2010, Công ty lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 5; Trong đó, mã số doanh nghiệp và đăng ký thuế của công ty được chuyển thành 0100101266 tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24/05/2010. Tiếp theo, ngày 02/01/2013 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100101266, đăng ký thay đổi lần thứ 7. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khảo sát thăm dò địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn;
- Thi công các công trình khoan máy, khai đào, khảo sát, lập dự án tiền khả thi, khả thi, thi công và xây lắp các công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng, xử lý nền móng;
- Dịch vụ thi công các công trình địa chất, khai thác nước ngầm, nước bề mặt xây dựng hệ thống xử lý nước phục vụ công nghiệp và dân sinh;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dụng cụ, vật tư, nguyên liệu khoáng;
- Lắp ráp, sửa chữa thiết bị, sản xuất các mặt hàng cơ khí;
- Đầu tư và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho hàng, nhà xưởng;
- Khai thác chế biến khoáng sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị khai khoáng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Chuyển giao công nghệ khoan;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Công ty có trụ sở tại: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 140 người, trong đó số cán bộ quản lý là 9 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Titan - Khoáng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

sản Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CDKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

3 KỶ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty.

Thay đổi Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Từ ngày 10/06/2013, Công ty áp dụng Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính thay cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 để ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định.

Việc thay đổi ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định để phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính như nêu trên được Ban Giám đốc Công ty đánh giá không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào bình quân của các Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

hàng thương mại tại ngày kết thúc năm tài chính được thông báo bởi Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam – Vinacomin theo công văn số 29/Vinacomin – KT ngày 03/01/2013. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Giá bình quân gia quyền |
| - Chi phí SXKD dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính (được áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (được áp dụng kể từ ngày 10/06/2013).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính (được áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (được áp dụng kể từ ngày 10/06/2013).

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ và giá trị còn lại của các công cụ dụng cụ và các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng). Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

4.8 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã được tạm tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100101266 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2013, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ
Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin	9.320.700.000	9.320.700.000	100%
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.868.200.000	1.868.200.000	100%
Bà Doãn Thị Hương	543.800.000	543.800.000	100%
Các cổ đông khác	6.542.000.000	6.542.000.000	100%

4.10 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền vay, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.11 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.12 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Bán hàng hóa, vật tư, thiết bị và các dịch vụ khác: 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ
 Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.13 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 131.505.372	42.516.927
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 8.124.264.249	7.341.386.880
Cộng	8.255.769.621	7.383.903.807
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2013 bao gồm:		
	<i>Nguyên tệ</i>	VND
<i>Đồng Việt Nam</i>		131.505.372
Cộng		131.505.372
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 bao gồm:		
		VND
<i>Đồng Việt Nam</i>		
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long</i>		9.488.453
<i>Ngân hàng DT&PT Việt Nam - CN Cầu Giấy</i>		603.006.903
<i>Ngân hàng DT&PT Việt Nam - CN Hà Nội</i>		7.511.768.893
Cộng		8.124.264.249

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Công ty Hà Lâm	8.956.414.312	
Phải thu khác	(i) 276.301.667	331.147.751
Cộng	9.232.715.979	331.147.751

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ
 Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(i) Số dư phải thu khác tại ngày 31/12/2013 bao gồm:

	<u>31/12/2013</u> (VND)
Thuế TNCN phải thu của người lao động	200.005.200
Xưởng cơ khí Bắc Ninh	37.895.610
Phải thu khác	38.400.857
Cộng	<u>276.301.667</u>

5.3. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	3.565.807.641	3.662.757.187
Công cụ, dụng cụ	216.502.320	398.561.332
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.291.605.695
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	5.932.777.828	7.397.628.469
Cộng	<u>9.715.087.789</u>	<u>12.750.552.683</u>

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Tiền thuê đất	154.024.416	-
Cộng	<u>154.024.416</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**NGUYÊN GIÁ**

Số dư đầu năm	1.026.803.760	14.162.852.552	3.148.959.736	93.297.904	18.431.913.952
- Mua trong năm	-	1.049.400.000	-	-	1.049.400.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	(456.898.406)	-	-	(475.398.406)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(637.488.226)	(18.500.000)	-	(871.197.454)
- Giảm khác	(176.411.324)	-	-	(57.297.904)	-
Số dư cuối năm	850.392.436	14.117.865.920	3.130.459.736	36.000.000	18.134.718.092

GIÁ TRỊ HAO MÒN

Số dư đầu năm	641.748.513	8.510.336.428	1.475.779.050	80.535.063	10.708.399.054
- Khấu hao trong năm	88.723.770	3.181.194.019	661.970.856	12.762.841	3.944.651.486
- Tính hao mòn	-	10.000.014	-	-	10.000.014
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(453.698.426)	(18.500.000)	-	(472.198.426)
- Giảm khác	(135.503.464)	(377.274.954)	-	(57.297.904)	(570.076.322)
Số dư cuối năm	594.968.819	10.870.557.081	2.119.249.906	36.000.000	13.620.775.806

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	385.055.247	5.652.516.124	1.673.180.686	12.762.841	7.723.514.898
Tại ngày cuối năm	255.423.617	3.247.308.839	1.011.209.830	-	4.513.942.286

- Thẻ chấp, cầm cố
- Đã KH hết, đang sử dụng
- Chờ thanh lý

2.723.327.257

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	61.000.000	61.000.000
- Mua trong năm	-	-
- Đầu tư XDCB h.thành	-	-
- Tặng khác	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	61.000.000	61.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư đầu năm	23.326.846	23.326.846
- Khấu hao trong năm	20.333.328	20.333.328
- Tặng khác	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	43.660.174	43.660.174
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	37.673.154	37.673.154
Tại ngày cuối năm	17.339.826	17.339.826

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	41.776.363	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	228.043.749	2.937.200
Cộng	269.820.112	2.937.200

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Vay ngắn hạn	14.739.792.798	13.302.536.131
Ngân hàng BIDV	3.724.792.798	1.850.763.901
Ngân hàng MB	-	4.101.772.230
Công ty địa chất Việt Bắc	-	-
Vay cá nhân trong công ty	11.015.000.000	7.350.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	14.739.792.798	13.302.536.131

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.438.506.342	2.727.998.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.547.235	435.145.558
Thuế thu nhập cá nhân	25.217.892	33.545.138
Thuế khác	-	-
Cộng	<u>2.185.271.469</u>	<u>3.196.688.780</u>

5.10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Kinh phí công đoàn	210.069.877	495.273.185
Bảo hiểm xã hội	11.047.626	22.654.830
Bảo hiểm y tế	115.756.361	-
Bảo hiểm thất nghiệp	67.114.995	-
Cổ tức phải trả	1.343.100.000	1.611.720.000
Tiền đi lại cho các đội khoan	304.135.000	543.500.000
Tiền cổ phần trả chậm phải trả cho TCT	-	-
Khoáng sản - Vinacomin	-	79.700.000
Phải trả trường CD Công nghiệp Phúc Yên	-	-
tiền lương SV thực tập	-	50.778.767
Phải trả tiền hỗ trợ nước sinh hoạt khối CN	-	-
trực tiếp SX	-	407.280.000
Chi trang phục cho người lao động	548.650.000	-
Thù lao hội đồng quản trị	57.804.750	-
Phải trả tiền thi công công tác trắc địa	-	126.976.680
Các khoản phải trả, phải nộp khác	512.999.859	681.451.211
Cộng	<u>3.170.678.468</u>	<u>4.019.334.673</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.11. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	18.274.700.000	608.805.653	434.091.962	19.317.597.615
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	4.516.338.975	4.516.338.975
Tăng khác	-	100.000.000	885.199.397	985.199.397
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(4.516.338.975)	(4.516.338.975)
Số dư cuối năm trước/đầu năm này	18.274.700.000	708.805.653	1.319.291.359	20.302.797.012
Tăng vốn trong năm này	-	-	-	-
Lãi trong năm này	-	-	3.135.308.060	3.135.308.060
Tăng khác	-	-	345.434.660	345.434.660
Giảm vốn trong năm này	-	-	-	-
Lỗ trong năm này	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(3.135.308.060)	(3.135.308.060)
Số dư cuối năm	18.274.700.000	708.805.653	1.664.726.019	20.648.231.672

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Vốn đầu tư của Nhà nước	9.320.700.000	9.320.700.000
Vốn đầu tư của cổ đông	8.954.000.000	8.954.000.000
Cộng	<u>18.274.700.000</u>	<u>18.274.700.000</u>

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.274.700.000	18.274.700.000
Vốn đầu tư đầu năm	18.274.700.000	18.274.700.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	18.274.700.000	18.274.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	182.747	182.747
Cổ phiếu phổ thông	182.747	182.747
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	182.747	182.747
Cổ phiếu phổ thông	182.747	182.747
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000đ

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	708.805.653	708.805.653
Quỹ dự phòng tài chính	1.664.726.019	1.319.291.359
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ
 Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.606.421.523	139.856.174.886
Doanh thu bán hàng	74.598.880.578	81.550.238.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.007.540.945	58.305.936.566

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.606.421.523	139.856.174.886
D.thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	74.598.880.578	81.550.238.320
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	48.007.540.945	58.305.936.566

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Giá vốn hàng bán	68.586.875.531	75.170.756.937
Giá vốn cung cấp dịch vụ	33.640.952.029	47.062.232.425
Cộng	102.227.827.560	122.232.989.362

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.131.684	58.559.344
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.845.407	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.853.460
Cộng	73.977.091	62.412.804

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ
 Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Lãi tiền vay	2.061.868.629	1.994.146.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	424.662.917	150.885.568
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.718.293	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	16.078.232
Cộng	2.499.249.839	2.161.110.042

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.055.449.893
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.190.757.953
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	31.041.621
+ Chi phí không được trừ	31.041.621
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.221.799.574
- Chuyển lỗ năm trước	-
- Thu nhập tính thuế	4.221.799.574
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.055.449.893
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	1.055.449.893
Cộng	1.055.449.893

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 (VND)	2012 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.234.254.076	98.201.887.540
Chi phí nhân công	16.066.488.106	19.955.839.172
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.964.984.814	3.835.461.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.689.698.022	8.537.901.262
Chi phí khác bằng tiền	4.012.573.270	4.997.339.396
Cộng	112.967.998.288	135.528.428.935

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.9 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ
 Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2013			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.255.769.621	-	8.255.769.621
Phải thu khách hàng	41.974.524.636	-	41.974.524.636
Phải thu khác	276.301.667	-	276.301.667
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(985.387.520)	-	(985.387.520)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	49.521.208.404	-	49.521.208.404
Ngày 31/12/2013			
Các khoản vay và nợ	14.739.792.798	-	14.739.792.798
Phải trả người bán	16.805.595.556	-	16.805.595.556
Phải trả, nợ khác và Chi phí phải trả	3.239.303.421	-	3.239.303.421
Tổng cộng	34.784.691.775	-	34.784.691.775
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.736.516.629	-	14.736.516.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ngày 01/01/2013

Giá trị ghi sổ:

Tiền và các khoản tương đương tiền	7.383.903.807	-	7.383.903.807
Phải thu khách hàng	38.034.586.232	-	38.034.586.232
Phải thu khác	331.147.751	-	331.147.751
Đầu tư	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(984.354.760)	-	(984.354.760)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	44.765.283.030	-	44.765.283.030

Ngày 01/01/2013

Các khoản vay và nợ	13.302.536.131	-	13.302.536.131
Phải trả người bán	14.833.276.093	-	14.833.276.093
Phải trả, nộp khác và Chi phí phải trả	4.019.334.673	-	4.019.334.673
Tổng cộng	32.155.146.897	-	32.155.146.897

Chênh lệch thanh khoản thuần

13.594.490.893

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và PT				
<i>Phải thu khách hàng</i>	41.974.524.636	38.034.586.232	41.974.524.636	38.034.586.232
<i>Các khoản PT khác</i>	276.301.667	331.147.751	276.301.667	331.147.751
TS tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	8.255.769.621	480.622.868	8.255.769.621	480.622.868
Tổng cộng	50.506.595.924	38.846.356.851	50.506.595.924	38.846.356.851
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	14.739.792.798	13.302.536.131	14.739.792.798	13.302.536.131
<i>Phải trả người bán</i>	16.805.595.556	14.833.276.093	16.805.595.556	14.833.276.093
<i>Phải trả khác</i>	3.170.678.468	4.019.334.673	3.170.678.468	4.019.334.673
Tổng cộng	34.716.066.822	32.155.146.897	34.716.066.822	32.155.146.897

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2013 và ngày 31/12/2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 6 ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.10 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 31/12/2013, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng cho các Công ty trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 31/12/2013, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	Năm 2013 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	647.590.982
Thù lao của Hội đồng Quản trị	115.790.400
Thù lao của Ban kiểm soát	64.508.400

Số dư tại ngày 31/12/2013 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê vật tư, hàng hóa, than, dịch vụ bán trong nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo tài chính là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam tại Hà Nội.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Mạnh Thường

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Thường

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Phạm Văn Nhâm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

Địa chỉ: Số 06, ngõ Chùa Nền, đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA, THAN, DỊCH VỤ BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN Năm 2013

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị mua	Đơn vị tính	Doanh thu			Giá vốn		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B		1	2	3	4	5	6
1	Công ty TNHH MTV Than Hạ Long - Vinacomin				10.186.732.883			7.793.809.345
	<i>Cung cấp dịch vụ</i>				10.186.732.883			7.793.809.345
2	Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin				6.506.787.280			5.837.408.606
	<i>Bán hàng hóa</i>				2.734.472.000			2.597.748.400
	<i>Cung cấp dịch vụ</i>				3.772.315.280			3.239.660.206
3	Cty TNHH MTV Địa chất mỏ - Vinacomin				39.303.297.100			37.338.132.245
	<i>Bán hàng hóa</i>				39.303.297.100			37.338.132.245
4	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin				3.878.424.839			2.582.290.180
	<i>Cung cấp dịch vụ</i>				3.878.424.839			2.582.290.180
5	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin				13.419.875.642			10.633.173.542
	<i>Cung cấp dịch vụ</i>				13.419.875.642			10.633.173.542
6	Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin				6.495.760.000			6.170.972.000
	<i>Bán hàng hóa</i>				6.495.760.000			6.170.972.000
7	Công ty TNHH MTV Than Uông Bí - Vinacomin				3.390.372.000			1.695.707.337
	<i>Cung cấp dịch vụ</i>				3.390.372.000			1.695.707.337
8	Xí nghiệp địa chất 109				5.647.685.500			5.365.301.225
	<i>Bán hàng hóa</i>				5.647.685.500			5.365.301.225
9	XN trắc địa bản đồ				1.295.503.000			1.230.727.850
	<i>Bán hàng hóa</i>				1.295.503.000			1.230.727.850
10	Xí nghiệp địa chất trắc địa Đông Triều				4.336.525.000			4.119.698.750
	<i>Bán hàng hóa</i>				4.336.525.000			4.119.698.750
11	Xí nghiệp địa chất Cẩm Phả				1.129.751.250			1.073.263.688
	<i>Bán hàng hóa</i>				1.129.751.250			1.073.263.688
12	Trung tâm XNK & HTĐT - VVMI				331.480.000			314.906.000
	<i>Bán hàng hóa</i>				331.480.000			314.906.000
	CỘNG		-	-	95.922.194.494		-	84.155.390.768

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN VĂN LÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Thường

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Nhâm

